

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75 /2018/ HNGĐ - ST

Ngày 26/11/ 2018

"V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con."

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Khắc Tuyn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Trung.

2. Bà Tô Thị Bích Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 235/2018/ TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80 /2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/QĐST- HNGĐ ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D.

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Thành T.

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2018, tại bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Vũ Thành T tự nguyện về chung sống với nhau có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 18/7/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn K, xã V, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2012 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, nghi ngờ, xúc phạm

nhau, anh T không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến hai người đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2012, khi ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được gia đình hai bên động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị xin được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Vũ Mai T, sinh ngày 13/01/2008 và Vũ Thị H Y, sinh ngày 14/11/2012. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/6/2018, chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt.

Đến ngày 24/10/2018, chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị gửi Tòa án, nội dung chị D đề nghị: Hiện nay chị đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương nên chị đồng ý để anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

* Tại Bản tự khai ngày 19/9/2018 bị đơn anh Vũ Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị D đúng như nội dung chị D đã trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ năm 2014, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, xúc phạm nhau, làm cho cuộc sống căng thẳng. Năm 2014 chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống ly thân từ đó. Đến tháng 5 năm 2018, chị D về nước và đề nghị được ly hôn anh, quan điểm của anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai người sống ly thân đã lâu, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Về con chung: Anh T cũng xác định vợ chồng có hai con chung là Vũ Mai T, sinh ngày 13/01/2008 và Vũ Thị H Y, sinh ngày 14/11/2012. Anh nhận nuôi cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T cũng xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, cán bộ Tòa án đã lấy lời khai của ông Vũ Văn C (bố đẻ của anh T) và bà Phạm Thị T (mẹ đẻ của chị D). Ông C, bà T đều cho biết: Về quan hệ hôn nhân, đúng như nội dung trình bày của chị D, anh T. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh T chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Năm 2014 chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, tháng 5 năm 2018 chị D về nước và làm đơn ly hôn anh T. Quan điểm của ông C và bà T đều đồng ý để chị D được ly hôn anh T vì thực tế hai người sống ly thân đã lâu, không quan tâm, chăm sóc nhau. Về con chung, ông C và bà T cũng xác định chị D và anh T có hai người con chung, tên là Vũ Mai T, sinh ngày 13/01/2008 và Vũ Thị H Y, sinh ngày 14/11/2012. Khi chị D đi làm ăn xa đã để hai con cho bố mẹ đẻ chị D nuôi dưỡng, chị D có gửi tiền đóng góp nuôi con hàng tháng, còn anh T vẫn về thăm con thường xuyên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Vũ Thành T; Giao hai con chung Vũ Mai T và Vũ Thị H Y cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Thủ tục thụ lý, thẩm quyền giải quyết đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D và việc tiến hành các thủ tục tố tụng khác Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Thành T tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung sau khi kết hôn diễn ra bình thường. Tuy nhiên, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, nghi ngờ, chửi bới, xúc phạm nhau. Năm 2014 chị D đã đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống ly thân từ đó, hai người không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, chị D có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và giải quyết vụ án vắng mặt còn anh T có quan điểm đồng ý ly hôn với chị D vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc.

Từ đó xác định chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Thành T không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Vũ Thành T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung*:

Chị D và anh T có hai người con chung là cháu Vũ Mai T, sinh ngày 13/01/2008 và Vũ Thị H Y, sinh ngày 14/11/2012. Chị D đồng ý để anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành vì hiện nay chị đi làm ăn xa, điều kiện nuôi dưỡng con chung khó khăn. Anh T cũng có nguyện vọng nhận nuôi cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng cho các con.

Đối với cháu Vũ Mai T, quá trình giải quyết, khi được hỏi cháu T có ý kiến: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu vì mẹ cháu quan tâm, chăm sóc cháu tốt hơn bố cháu. Tuy nhiên, hiện nay chị D đang đi làm ăn xa, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

Vì vậy, cần căn cứ quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình để giao các con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng cho các con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Vũ Thành T.
2. *Về con chung*: Giao con Vũ Mai T, sinh ngày 13/01/2008 và Vũ Thị H Y, sinh ngày 14/11/2012 cho anh Vũ Thành T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng cho con. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.
3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003288 ngày 25/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.
4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Khắc Tuyn

